

Bản án số: 72/2017/DS-PT
Ngày: 11 - 9 - 2017
V/v tranh chấp đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Thường

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thúy Liên

Bà Lê Thị Hoài Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Ánh Ngọc là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 40/2017/TLPT-DS ngày 05 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp đòi lại tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2017/DS-ST ngày 11 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Abị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 141/2017/QĐ-PT ngày 04 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Văn L; cư trú tại: Thôn X, xã A, huyện A, tỉnh Bình Định; có mặt.

- Bị đơn: Ông Thái Đăng H; cư trú tại: Thôn X, xã A, huyện A, tỉnh Bình Định; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê Thị C; có mặt.

2. Chị Lê Thị T; vắng mặt.

3. Chị Lê Thị Như S; vắng mặt.

4. Anh Lê Thành N; có mặt.

5. Anh Lê Thành X; vắng mặt.

6. Anh Lê Thành T; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Thôn X, xã A, huyện A, tỉnh Bình Định.

7. Ủy ban nhân dân huyện A(UBND); Trụ sở: huyện A, tỉnh Bình Định.

Người đại diện hợp pháp: Ông Đỗ Đình A, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện A là người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện A (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền số 04/GUQ-UBND ngày 25/8/2017); có mặt.

Người kháng cáo: Ông Lê Văn L là nguyên đơn và Ông Thái Đăng H là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07/4/2016, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Văn L trình bày:

Nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp tại lô số 1, khoảnh 1, tiểu khu 48 diện tích 5.600 m² tại xã A, huyện A, tỉnh Bình Định là của ông xin của Hợp tác xã A vào năm 1980, trên đất có trồng dừa sau đó ông xen lẫn bạch đàn và dừa. Năm 1996, Nhà nước có chương trình PAM ông nhận xoài về trồng, không có ai tranh chấp đến năm 2001 ông làm đơn xin đất và ngày 20/4/2001 đã được Ủy ban nhân dân huyện A cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông đối với toàn bộ diện tích đất trên. Năm 2006, ông chặt cây xoài chuyển sang trồng keo khai thác được 02 mùa đến tháng 11/2015 vợ chồng Ông Thái Đăng H, Bà Lê Thị C mang keo lên trồng trên đất của ông.

Nay ông yêu cầu vợ chồng Ông Thái Đăng H, Bà Lê Thị C trả lại toàn bộ diện tích đất lấn chiếm 1.868 m², ông đồng ý thanh toán cho ông H, Bà C tiền cây keo trồng trên đất theo giá Hội đồng định giá là 2.661.900 đồng.

Tại bản tự khai, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn Ông Thái Đăng H trình bày:

Nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp là rẫy cũ của gia đình vợ ông khai hoang từ năm 1977. Năm 1983 ông được gia đình vợ cho đất nên đã trồng mì, chuối và khoai lang. Năm 1990, Hợp tác xã A lấy đất của ông để trồng dừa, ông đồng ý và không có ý kiến gì. Năm 1996, ông thấy ông Lê Văn L trồng bạch đàn trên đất của gia đình ông, ông có hỏi nhưng ông L không trả lời, ông nghĩ Hợp tác xã cho ông L thuê đất nên không làm đơn khiếu nại. Đến tháng 11/2015, ông mang keo lên trồng và lấy lại rẫy cũ của gia đình ông.

Nay ông L yêu cầu ông trả lại đất và bồi thường cho ông tiền cây keo ông trồng trên đất, ông không đồng ý.

Tại bản tự khai, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bà Lê Thị C trình bày:

Bà thống nhất như lời khai của chồng bà là Ông Thái Đăng H, không đồng ý trả lại đất cho ông Lê Văn L.

Tại bản tự khai, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Chị Lê Thị T, Chị Lê Thị Như S, Anh Lê Thành N, Anh Lê Thành T, Anh Lê Thành X trình bày:

Các anh, chị thống nhất như trình bày của cha anh chị là ông Lê Văn L.

Tại bản tự khai, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Nguyễn Minh Tòng người đại hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện A trình bày:

Năm 2001 Ủy ban nhân dân huyện A triển khai đến các xã và thông báo rộng rãi cho các hộ sử dụng đất lâm nghiệp ổn định và không có tranh chấp đăng ký để đo đạc lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 02/02/2001, hộ ông Lê Văn L làm đơn xin giao đất được Ủy ban nhân dân xã A xét duyệt và làm thủ tục trình Ủy ban nhân dân huyện A xem xét. Ngày 20/4/2001 Ủy ban nhân dân huyện A đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lê Văn L diện tích 5.600 m² tại lô số 1, khoảng 1, tiểu khu 48 tại xã A, huyện A, tỉnh Bình Định. Ngày 06/10/2016 Ủy ban nhân dân huyện A đã ban hành công văn số 865/UBND xác định cụ thể vị trí tọa độ đất giao cho hộ ông L tương ứng với phần đất được cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông L là hoàn toàn đúng quy định pháp luật.

Đối với yêu cầu của ông L buộc vợ chồng ông H, Bà C trả lại 1.868 m² trong đó có 1.348 m² đất đã được cấp cho hộ ông L, còn lại 520 m² không nằm trong phần đất cấp cho hộ ông L, Ủy ban nhân dân huyện A đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật

Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2017/DS-ST ngày 11/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện Aquyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Ông Thái Đăng H, Bà Lê Thị C phải trả lại cho nguyên đơn diện tích đất 1.348 m² trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 453.165 cấp ngày 20/4/2001 tại lô số 01, khoảng 01, tiểu khu 48 (thuộc thôn X, xã A, huyện A, tỉnh Bình Định) các tọa độ cụ thể theo trích đo diện tích đất của Ủy ban nhân dân huyện A xác định ngày 31/5/2016.

Công nhận sự tự nguyện của ông Lê Văn L về việc thanh toán giá trị cây keo theo giá của Hội đồng định giá xác định là 5.700 đồng/cây. Số tiền ông Lê Văn L phải thanh toán lại cho Ông Thái Đăng H, Bà Lê Thị C (do ông H đại diện nhận) là 1.920.900 đồng.

Bác yêu cầu của ông Lê Văn L về việc buộc Ông Thái Đăng H, Bà Lê Thị C trả lại quyền sử dụng đất 520 m².

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí định giá tài sản, trách nhiệm chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 24/5/2017, nguyên đơn ông Lê Văn L kháng cáo yêu cầu Tòa phúc thẩm buộc vợ chồng Ông Thái Đăng H, Bà Lê Thị C trả lại toàn bộ diện tích đất lấn chiếm 1.868 m² đất tại lô số 01, khoảnh 01, tiểu khu 48 thuộc thôn X, xã A, huyện A, tỉnh Bình Định.

Ngày 24/5/2017, bị đơn Ông Thái Đăng H kháng cáo không đồng ý trả đất cho ông Lê Văn L.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; đồng thời đề nghị huỷ Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2017/DS-ST ngày 11 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện A; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện A giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Án sơ thẩm buộc Ông Thái Đăng H, Bà Lê Thị C phải trả lại cho nguyên đơn diện tích đất 1.348 m² trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 453.165 cấp ngày 20/4/2001 tại lô số 01, khoảnh 01, tiểu khu 48, tọa lạc tại thôn X, xã A, huyện A, tỉnh Bình Định, các tọa độ cụ thể theo trích đo diện tích đất của Ủy ban nhân dân xã A xác định ngày 31/5/2016 là chưa căn cứ vững chắc. Bởi lẽ:

[1.1] Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 20/4/2001 Ủy ban nhân dân huyện A đã cấp cho hộ ông L diện tích 5.600 m² tại lô số 1, khoảnh 1, tiểu khu 48 tại xã A, huyện A, tỉnh Bình Định có sơ đồ giới cận về phía Đông giáp đường đi An Quang nhưng không sát mép đường mà cách mép đường đi An Quang một khoảng trống. Căn cứ sơ đồ này, ngày 06/10/2016 Ủy ban nhân dân huyện A đã ban hành công văn số 865/UBND trả lời theo yêu cầu của Tòa án đã xác định cụ thể vị trí tọa độ đất giao cho hộ ông L cách đường tương ứng với thực tế hiện nay nhưng ông L không thừa nhận mà cho rằng vào năm 2006 Nhà nước mở đường có thu hồi một phần đất ông đang canh tác. Như vậy, để có căn cứ giải quyết vụ án đúng pháp luật thì phải xác định rõ: đường đi An Quang trước khi mở rộng có chiều rộng bao nhiêu mét, sau khi mở rộng có chiều rộng bao nhiêu mét, từ đó mới có căn cứ xác định tỉ lệ tương ứng theo sơ đồ trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông L.

[1.2] Mặt khác, theo ông L khai: khi Nhà nước mở đường có đền bù giá trị đất cho ông L, ông cung cấp một số người biết sự việc trên gồm: ông Thái Văn N, ông Nguyễn Thanh B; trong khi Ban quản lý dự án đầu tư và xây dựng huyện A cung cấp chỉ đền bù giá trị tài sản có trên đất cho hộ ông L, không có đền bù đất; do đó cần lấy lời khai những người này làm rõ.

[1.3] Ngoài ra, ông H cho rằng phần đất ông đang sử dụng trước đây ông đã trồng hoa màu là đất vườn của mẹ vợ có di chúc lại cho vợ chồng ông; để chứng minh ông có cung cấp một số người biết sự việc gồm ông Nguyễn Thành Đ, ông Nguyễn Văn Đ, ông Đoàn Q, ông Mai Thanh H, ông Nguyễn Văn T, ông Huỳnh T,

ông Trần Quang H, bà Nguyễn Thị S; do đó cần lấy lời khai những người này làm rõ.

[2] Như vậy, án sơ thẩm đã thu thập chứng cứ không đầy đủ, tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được nên hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện A giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[3] Do hủy bản án theo quy định khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 thì ông L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2017/DS-ST ngày 11 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện A; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện A giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2017/DS-ST ngày 11 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện A đã xét xử về tranh chấp đòi lại tài sản giữa nguyên đơn ông Lê Văn L với bị đơn Ông Thái Đăng H và một người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện A giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Văn L được nhận lại 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 08587 ngày 31/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Lão.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND huyện A;
- CCTHADS huyện A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Thường